

THIẾT KẾ BẢNG HỎI ĐO LƯỜNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: NGHIÊN CỨU SƠ BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Thanh
Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu thiết kế và đánh giá sơ bộ bảng hỏi đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP.HCM trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Dựa trên Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) (Ajzen, 1991) và thang đo của Liñán và Chen (2009), cùng các thang đo về tính đổi mới sáng tạo, năng lực số và sự hỗ trợ từ nhà trường, nghiên cứu xây dựng bảng hỏi gồm 33 biến quan sát thuộc bảy khái niệm. Giá trị nội dung được đánh giá bởi sáu chuyên gia thông qua I-CVI, S-CVI/Ave và S-CVI/UA; sau khi điều chỉnh diễn đạt, bảng hỏi được khảo sát thử với 43 sinh viên. Kết quả cho thấy I-CVI thấp nhất đạt 0,8333; S-CVI/Ave đạt 0,9798 và S-CVI/UA đạt 0,8788. Cronbach's Alpha của bảy thang đo dao động từ 0,723 đến 0,932; hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh thấp nhất đạt 0,400. Kết quả cho thấy bảng hỏi có giá trị nội dung và độ tin cậy sơ bộ phù hợp để tiếp tục khảo sát mẫu lớn hơn.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp; bảng hỏi; giá trị nội dung; độ tin cậy; sinh viên; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số.

DESIGNING A QUESTIONNAIRE TO MEASURE STUDENTS' ENTREPRENEURIAL INTENTION IN THE CONTEXT OF INNOVATION AND DIGITAL TRANSFORMATION: A PRELIMINARY STUDY AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF CULTURE

Abstract: This study designs and preliminarily evaluates a questionnaire measuring students' entrepreneurial intention at Ho Chi Minh City University of Culture in the context of innovation and digital transformation. Based on the Theory of Planned Behavior (TPB) (Ajzen, 1991) and the measurement scale developed by Liñán and Chen (2009), together with scales measuring innovativeness, digital competence, and university support, the study develops a questionnaire comprising 33 observed items across seven constructs. Content validity was assessed by six experts using the I-CVI, S-CVI/Ave, and S-CVI/UA. After wording revisions, the questionnaire was piloted with 43 students. The results showed that the lowest I-CVI was 0.8333, while S-CVI/Ave and S-CVI/UA were 0.9798 and 0.8788, respectively. Cronbach's Alpha coefficients for the seven scales ranged from 0.723 to 0.932, with the lowest corrected item-total correlation being 0.400. The findings indicate that the questionnaire demonstrates satisfactory preliminary content validity and reliability for further administration to a larger sample.

Keywords: entrepreneurial intention; questionnaire; content validity; reliability; students; innovation; digital transformation.

Nhận bài: 22/08/2026

Phản biện: 22/09/2026

Duyệt đăng: 25/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ý định khởi nghiệp là tiền đề quan trọng của hành vi khởi nghiệp và được sử dụng rộng rãi để nghiên cứu quá trình hình thành quyết định khởi nghiệp của cá nhân. Theo Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior – TPB), ý định chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi (Ajzen, 1991). Trên cơ sở đó, Liñán và Chen (2009) phát triển thang đo ý định khởi nghiệp dành cho sinh viên, tạo nền tảng cho nhiều nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

Trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nghiên cứu về ý định khởi nghiệp ngày càng quan tâm đến những năng lực mới bên cạnh các thành phần truyền thống của TPB. Wathanakom và cộng sự (2020) xem xét mối quan hệ giữa tính đổi mới và ý định khởi nghiệp ở sinh viên đại học, trong khi Triyono và cộng sự (2023) đề cập đến năng lực số trong nghiên cứu ý định khởi nghiệp ở giáo dục nghề nghiệp. Các nghiên cứu gần đây

cũng tiếp tục quan tâm đến vai trò của năng lực số và giáo dục khởi nghiệp số đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên (Bachmann et al., 2024; Nguyen & Nguyen, 2024).

Tuy nhiên, việc sử dụng một bảng hỏi trong bối cảnh nghiên cứu mới không chỉ dừng ở việc lựa chọn các thang đo đã được công bố. Các biến quan sát cần được xem xét về sự phù hợp với đối tượng, bối cảnh và cách diễn đạt; đồng thời cần đánh giá giá trị nội dung và độ tin cậy trước khi triển khai khảo sát chính thức. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung vào quá trình thiết kế, điều chỉnh và đánh giá sơ bộ bảng hỏi đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THIẾT KẾ THANG ĐO

Nghiên cứu sử dụng TPB của Ajzen (1991) làm nền tảng: thái độ đối với khởi nghiệp (ATT),

chuẩn chủ quan (SN) và nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp (EI). Thang đo của Liñán và Chen (2009) được sử dụng để đo lường các khái niệm trên. Việc kế thừa cùng một nền tảng đo lường góp phần bảo đảm sự nhất quán giữa cơ sở lý thuyết và các biến quan sát.

Đối với bối cảnh đổi mới sáng tạo, tính đổi mới sáng tạo (INN) được đo bằng năm biến quan sát dựa trên nghiên cứu của Wathanakom và cộng sự (2020). Còn năng lực số (DC) cũng gồm năm biến, dựa trên thang đo được sử dụng trong nghiên cứu của Triyono và cộng sự (2023). Trong khi đó, sự

hỗ trợ từ nhà trường (US) gồm ba biến, kế thừa từ thang đo của Turker và Selçuk (2009). Các thang đo được điều chỉnh về ngôn ngữ nhằm phù hợp với đối tượng sinh viên và môi trường giáo dục đại học Việt Nam.

Bảng hỏi gồm 33 biến quan sát: ATT 5 biến, SN 3 biến, PBC 6 biến, INN 5 biến, DC 5 biến, US 3 biến và EI 6 biến. Nghiên cứu không xây dựng một thang đo hoàn toàn mới mà tập trung vào thích nghi, đánh giá giá trị nội dung và kiểm tra độ tin cậy sơ bộ của các thang đo đã có cơ sở từ nghiên cứu trước.

Bảng 1. Cấu trúc bảng hỏi và nguồn thang đo

Khái niệm	Mã	Số biến	Nguồn
Thái độ đối với khởi nghiệp	ATT	5	Liñán & Chen (2009)
Chuẩn chủ quan	SN	3	Liñán & Chen (2009)
Nhận thức kiểm soát hành vi	PBC	6	Liñán & Chen (2009)
Tính đổi mới sáng tạo	INN	5	Wathanakom et al. (2020)
Năng lực số	DC	5	Triyono et al. (2023)
Sự hỗ trợ từ nhà trường	US	3	Turker & Selçuk (2009)
Ý định khởi nghiệp	EI	6	Liñán & Chen (2009)
Tổng cộng		33	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nghiên cứu

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá giá trị nội dung

Bảng hỏi được gửi cho sáu chuyên gia là giảng viên trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh có kinh nghiệm chuyên môn và thực tiễn liên quan đến hoạt động khởi nghiệp, hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi, dự án khởi nghiệp hoặc các chương trình hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp để đánh giá mức độ phù hợp của từng biến quan sát. Sáu chuyên gia được tham vấn độc lập nhằm thu thập đánh giá riêng biệt về mức độ phù hợp của từng biến quan sát. Quy mô hội đồng chuyên gia được xác định trước để thực hiện đánh giá và lượng hóa giá trị nội dung của bảng hỏi (Lynn, 1986). Các chuyên gia độc lập đánh giá theo thang bốn mức: (1) không phù hợp; (2) cần chỉnh sửa nhiều; (3) phù hợp nhưng cần chỉnh sửa nhỏ; và (4) rất phù hợp. Khi tính giá trị nội dung, mức 3 và 4 được mã hóa là 1, còn mức 1 và 2 được mã hóa là 0.

Ở cấp độ từng biến quan sát, Chỉ số giá trị nội dung của biến (Item-level Content Validity Index – I-CVI) được tính bằng tỷ lệ chuyên gia đánh giá biến ở mức phù hợp. Ở cấp độ toàn thang đo, nghiên cứu tính đồng thời Chỉ số giá trị nội dung của

thang đo dựa trên giá trị trung bình (Scale-level Content Validity Index based on the Average Method – S-CVI/Ave) và Chỉ số giá trị nội dung của thang đo dựa trên sự đồng thuận thống nhất (Scale-level Content Validity Index based on Universal Agreement – S-CVI/UA). S-CVI/Ave được tính bằng giá trị trung bình của 33 I-CVI, trong khi S-CVI/UA là tỷ lệ các biến đạt I-CVI = 1,00, tức nhận được sự đồng thuận của toàn bộ sáu chuyên gia. Hai chỉ số được báo cáo đồng thời vì phản ánh các mức độ đồng thuận khác nhau; S-CVI/UA nghiêm ngặt hơn do yêu cầu đồng thuận tuyệt đối (Polit & Beck, 2006).

3.2. Khảo sát thử và kiểm định độ tin cậy

Sau khi điều chỉnh, bảng hỏi được khảo sát thử với 43 sinh viên đang học tập tại trường Đại học Văn hóa TP.HCM. Mục đích của khảo sát thử là kiểm tra sơ bộ tính nhất quán nội tại trước khi triển khai khảo sát chính thức. Độ tin cậy được đánh giá bằng Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh (Corrected Item-Total Correlation – CITC). Kết quả thử nghiệm chỉ được sử dụng để đánh giá sơ bộ bảng hỏi, không dùng để kết luận về mô hình nhân quả hoặc xác nhận cấu trúc thang đo cuối cùng.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Giá trị nội dung

Trong nghiên cứu này, đánh giá của sáu chuyên gia cho thấy 33 biến quan sát đều đạt I-CVI từ 0,8333 đến 1,0000. I-CVI thấp nhất là 0,8333, tương ứng 5/6 chuyên gia đồng thuận; bốn biến có giá trị này là PBC1, US3, EI1 và EI6. Các biến còn lại có I-CVI = 1,0000. Bên cạnh đó, S-CVI/Ave đạt 0,9798 và S-CVI/UA đạt 0,8788. Không có biến nào bị loại. Như vậy, quyết định giữ biến dựa chủ yếu vào I-CVI ở cấp độ từng biến, trong khi S-CVI cung cấp bằng chứng bổ sung ở cấp độ toàn thang đo (Lynn, 1986; Polit et al., 2007).

Các biến có I-CVI = 0,8333 được tiếp tục xem xét dựa trên góp ý cụ thể của chuyên gia. Một số câu hỏi được điều chỉnh về cách diễn đạt, chủ thể hoặc mức độ rõ nghĩa nhưng không làm thay đổi

nội dung khái niệm cần đo. Quy trình này giúp phân biệt giữa loại biến do không đạt giá trị nội dung và chỉnh sửa câu chữ để tăng tính phù hợp.

Kết quả đánh giá giá trị nội dung cho thấy bảng hỏi có mức độ phù hợp nội dung cao ở cả cấp độ từng biến và toàn thang đo. Tuy nhiên, giá trị nội dung không đồng nghĩa với việc thang đo đã được xác nhận hoàn toàn về cấu trúc. Do đó, khảo sát mẫu lớn và các phân tích tiếp theo vẫn cần được thực hiện.

4.2. Độ tin cậy của thang đo

Khảo sát thử 43 sinh viên cho thấy Cronbach's Alpha của bảy thang đo lần lượt là: ATT = 0,799; SN = 0,723; PBC = 0,823; INN = 0,881; DC = 0,834; US = 0,905 và EI = 0,932. CITC thấp nhất tương ứng là 0,434; 0,460; 0,400; 0,676; 0,578; 0,776 và 0,741.

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Thang đo	Số biến	Cronbach's Alpha	CITC thấp nhất
ATT	5	0,799	0,434
SN	3	0,723	0,460
PBC	6	0,823	0,400
INN	5	0,881	0,676
DC	5	0,834	0,578
US	3	0,905	0,776
EI	6	0,932	0,741

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nghiên cứu

Các thang đo đều có Cronbach's Alpha từ 0,723 trở lên và CITC thấp nhất đạt 0,400. SN có Alpha thấp nhất (0,723), trong khi EI có Alpha cao nhất (0,932). Đối với PBC, biến có CITC thấp nhất đạt 0,400 nhưng vẫn cao hơn ngưỡng 0,30 thường được sử dụng để xem xét mức độ phù hợp của biến quan sát trong thang đo (Rattray & Jones, 2007). Do đó, không có biến nào bị loại ở bước kiểm định độ tin cậy.

V. THẢO LUẬN

Kết quả cho thấy quy trình thiết kế bảng hỏi gồm hai lớp kiểm tra bổ sung cho nhau: đánh giá giá trị nội dung trước khảo sát và kiểm định độ tin cậy sau khảo sát thử. I-CVI cho phép xem xét trực tiếp mức độ phù hợp của từng biến, trong khi S-CVI/Ave và S-CVI/UA cung cấp thông tin ở cấp độ toàn thang đo. Trong trường hợp này, S-CVI/UA thấp hơn S-CVI/Ave do tiêu chí UA yêu cầu sự đồng thuận của toàn bộ chuyên gia. Vì vậy, S-CVI/UA = 0,8788 không phải là căn cứ

trực tiếp để loại các biến có I-CVI = 0,8333.

Các kết quả Cronbach's Alpha từ 0,723 đến 0,932 cho thấy các thang đo có tính nhất quán nội tại phù hợp ở giai đoạn thử nghiệm. Kết quả này hỗ trợ việc tiếp tục sử dụng 33 biến trong khảo sát chính thức. Tuy nhiên, mẫu thử gồm 43 sinh viên chỉ có chức năng kiểm tra sơ bộ. Vì vậy, chưa thể từ kết quả này khẳng định tính đơn hướng, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt hoặc cấu trúc nhân tố của các thang đo.

Một điểm đáng chú ý trong quá trình thiết kế là việc kế thừa thang đo cần đi kèm với điều chỉnh ngôn ngữ theo đối tượng nghiên cứu. Một số biến được chuyên gia góp ý và chỉnh sửa nhằm giảm sự mơ hồ về chủ thể, làm rõ ngữ cảnh học tập hoặc công việc và tăng khả năng hiểu thống nhất của sinh viên. Việc điều chỉnh này không nhằm thay đổi nội hàm của khái niệm mà nhằm tăng sự phù hợp về nội dung và ngữ cảnh của các biến quan sát (các mục hỏi) trong bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

VI. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã thiết kế và đánh giá sơ bộ bảng hỏi gồm 33 biến quan sát thuộc bảy thang đo về ý định khởi nghiệp của sinh viên trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đánh giá của sáu chuyên gia cho thấy I-CVI đạt từ 0,8333 đến 1,0000; S-CVI/Ave đạt 0,9798 và S-CVI/UA đạt 0,8788. Toàn bộ 33 biến được giữ lại sau khi xem xét kết quả I-CVI và điều chỉnh diễn đạt theo góp ý chuyên gia.

Khảo sát thử với 43 sinh viên cho thấy Cronbach's Alpha của bảy thang đo dao động từ 0,723 đến 0,932 và CITC thấp nhất đạt 0,400. Những kết quả này cung cấp cơ sở sơ bộ để sử dụng bảng hỏi trong khảo sát chính thức. Tuy nhiên, nghiên cứu không xem đây là bước xác nhận cuối cùng của thang đo. Nghiên cứu tiếp theo cần sử dụng mẫu lớn hơn để tiếp tục đánh giá cấu trúc thang đo và kiểm định mô hình nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes, Theories of Cognitive Self-Regulation*, 50(2), 179–211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Bachmann, N., Rose, R., Maul, V., & Hölzle, K. (2024). What makes for future entrepreneurs? The role of digital competencies for entrepreneurial intention. *Journal of Business Research*, 174, 114481. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2023.114481>
- Liñán, F., & Chen, Y. (2009). Development and Cross-Cultural Application of a Specific Instrument to Measure Entrepreneurial Intentions. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 33(3), 593–617. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2009.00318.x>
- Lynn, M. R. (1986). Determination and quantification of content validity. *Nursing Research*, 35(6), 382–386.
- Nguyen, P. N.-D., & Nguyen, H. H. (2024). Unveiling the link between digital entrepreneurship education and intention among university students in an emerging economy. *Technological Forecasting and Social Change*, 203, 123330. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2024.123330>
- Polit, D. F., & Beck, C. T. (2006). The content validity index: Are you sure you know what's being reported? critique and recommendations. *Research in Nursing & Health*, 29(5), 489–497. <https://doi.org/10.1002/nur.20147>
- Polit, D. F., Beck, C. T., & Owen, S. V. (2007). Is the CVI an acceptable indicator of content validity? Appraisal and recommendations. *Research in Nursing & Health*, 30(4), 459–467. <https://doi.org/10.1002/nur.20199>
- Rattray, J., & Jones, M. C. (2007). Essential elements of questionnaire design and development. *Journal of Clinical Nursing*, 16(2), 234–243. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2702.2006.01573.x>
- Triyono, M. B., Mutohhar, F., Kholifah, N., Nurtanto, M., Subakti, H., & Prasetya, K. H. (2023). Examining the mediating-moderating role of entrepreneurial orientation and digital competence on entrepreneurial intention in vocational education. *Journal of Technical Education and Training*, 15(1), 116–127.
- Turker, D., & Sonmez Selçuk, S. (2009). Which factors affect entrepreneurial intention of university students? *Journal of European Industrial Training*, 33(2), 142–159.
- Wathanakom, N., Khlaisang, J., & Songkram, N. (2020). The study of the causal relationship between innovativeness and entrepreneurial intention among undergraduate students. *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 9(1), 15. <https://doi.org/10.1186/s13731-020-00125-5>